

Số: **14507** /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 - Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110 kV

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực;

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định phê duyệt và điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai tại Tờ trình số 8066/TTr-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2015 về việc thẩm định và phê duyệt đề án Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2025 có xét đến 2035 Hợp phần I: Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110 kV; Văn bản góp ý cho đề án số 4971/EVNNPT-KH ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia, số 9070/EVNSPC-KH ngày 09 tháng 11 năm 2015 của Tổng công ty Điện lực miền Nam; hồ sơ bổ sung, hiệu chỉnh Đề án do Viện Năng lượng lập tháng 12 năm 2015;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Năng lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2025 có xét đến năm 2035 – Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110 kV do Viện Năng lượng lập với các nội dung chính như sau:

1. Định hướng phát triển

a) Định hướng chung

- Phát triển lưới điện truyền tải và phân phối phải gắn với định hướng phát

triển kinh tế - xã hội của vùng và của từng địa phương trong vùng, đảm bảo chất lượng điện và độ tin cậy cung cấp điện ngày càng được nâng cao.

- Phát triển lưới điện truyền tải phải đồng bộ với tiến độ đưa vào vận hành các nhà máy điện để đạt được hiệu quả đầu tư chung của hệ thống điện quốc gia và khu vực; phù hợp với chiến lược phát triển ngành điện, quy hoạch phát triển điện lực và các quy hoạch khác của vùng và các địa phương trong vùng.

- Phát triển lưới điện 220 kV và 110 kV, hoàn thiện mạng lưới điện khu vực nhằm nâng cao độ ổn định, tin cậy cung cấp điện, giảm thiểu tổn thất điện năng.

- Xây dựng các đường dây truyền tải điện có dự phòng cho phát triển lâu dài trong tương lai, sử dụng cột nhiều mạch, nhiều cấp điện áp đi chung trên một hàng cột để giảm diện tích chiếm đất. Đối với các thành phố, các trung tâm phụ tải lớn, sơ đồ lưới điện phải có độ dự trữ và tính linh hoạt cao hơn; thực hiện việc hiện đại hóa và từng bước ngầm hóa lưới điện tại các thành phố, thị xã, hạn chế tác động xấu đến cảnh quan, môi trường.

b) Tiêu chí phát triển lưới điện 220 kV, 110 kV

- Cấu trúc lưới điện: lưới điện 220 kV, 110 kV được thiết kế đảm bảo độ tin cậy cung cấp điện và chất lượng điện năng trong chế độ làm việc bình thường và sự cố đơn lẻ theo các quy định hiện hành. Lưới điện 220 kV, 110 kV phải đảm bảo dự phòng cho phát triển ở giai đoạn kế tiếp.

- Đường dây 220 kV, 110 kV: ưu tiên sử dụng loại cột nhiều mạch để giảm hành lang tuyến các đường dây tải điện.

- Trạm biến áp 220 kV, 110 kV: được thiết kế với cấu hình quy mô trên hai máy biến áp.

- Tiết diện dây dẫn:

- + Các đường dây 220 kV: sử dụng dây dẫn tiết diện $\geq 400 \text{ mm}^2$ hoặc dây phân pha có tổng tiết diện $\geq 600 \text{ mm}^2$, có dự phòng cho phát triển ở giai đoạn kế tiếp;

- + Các đường dây 110 kV: sử dụng dây dẫn tiết diện $\geq 240 \text{ mm}^2$.

- Gam máy biến áp: sử dụng gam máy biến áp công suất 125, 250, 375 MVA cho cấp điện áp 220 kV; 40, 63 MVA cho cấp điện áp 110 kV; đối với các trạm phụ tải của khách hàng, gam máy đặt tùy theo quy mô công suất sử dụng. Công suất cụ thể từng trạm được chọn phù hợp với nhu cầu công suất và đảm bảo chế độ vận hành bình thường mang tải 75 % công suất định mức.

- Hỗ trợ cấp điện giữa các trạm 110 kV được thực hiện bằng các đường dây mạch vòng trung thế 22 kV.

c) Tiêu chí phát triển lưới điện trung áp

- Định hướng xây dựng và cải tạo lưới điện: cấp điện áp 22 kV được

chuẩn hoá cho phát triển lưới điện trung áp trên địa bàn tỉnh.

- Cấu trúc lưới điện:

+ Khu vực thành phố, khu đô thị mới, thị xã, thị trấn và các hộ phụ tải quan trọng, lưới điện được thiết kế mạch vòng, vận hành hở; khu vực nông thôn, lưới điện được thiết kế hình tia.

+ Các đường trục trung thế mạch vòng ở chế độ làm việc bình thường mang tải từ 60 - 70% so với công suất mang tải cực đại cho phép của dây dẫn.

+ Tại khu vực thành phố, thị xã, thị trấn và khu vực đông dân cư, các nhánh rẽ cấp điện cho trạm biến áp có thể sử dụng cáp ngầm hoặc cáp bọc cách điện, cáp vặn xoắn trên không để bảo đảm an toàn và mỹ quan đô thị.

- Tiết diện dây dẫn:

+ Khu vực nội thành, nội thị, khu đô thị mới, khu du lịch, khu công nghiệp:

• Đường trục: Sử dụng cáp ngầm hoặc cáp treo XPLE tiết diện $\geq 240 \text{ mm}^2$ hoặc đường dây trên không dây nhôm lõi thép bọc cách điện tiết diện $\geq 150 \text{ mm}^2$;

• Các nhánh rẽ: Sử dụng cáp ngầm XPLE hoặc dây nhôm lõi thép bọc cách điện với tiết diện $\geq 95 \text{ mm}^2$.

+ Khu vực ngoại thành, ngoại thị và nông thôn:

• Đường trục: Sử dụng dây nhôm lõi thép có tiết diện $\geq 120 \text{ mm}^2$;

• Đường nhánh chính: cấp điện 3 pha và một pha cho xã, thôn, xóm dùng dây nhôm lõi thép có tiết diện $\geq 70 \text{ mm}^2$.

- Gam máy biến áp phân phối:

+ Khu vực thành phố, thị xã, đô thị mới, thị trấn sử dụng các máy biến áp ba pha có gam công suất từ 250 kVA÷750 kVA;

+ Khu vực nông thôn, sử dụng các máy biến áp ba pha có gam công suất từ 100 kVA÷630 kVA;

+ Các trạm biến áp chuyên dùng của khách hàng được thiết kế phù hợp với quy mô phụ tải.

2. Mục tiêu

a) Phát triển đồng bộ lưới điện truyền tải và phân phối trên địa bàn Tỉnh đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương với tốc độ tăng trưởng GRDP trong giai đoạn 2016-2020 là 8-9 %/năm, giai đoạn 2021-2025 là 8,5-9,5 %/năm, giai đoạn 2026-2035 là 9-10 %/năm. Cụ thể như sau:

- Năm 2020:

Công suất cực đại $P_{\max} = 2.650 \text{ MW}$, điện thương phẩm 17.527 triệu kWh. Tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm bình quân hàng năm giai đoạn 2016-2020 là 9,6 %/năm, trong đó: Công nghiệp – Xây dựng tăng 9,1 %/năm; Nông – Lâm

– Thủy sản tăng 15,8 %/năm; Thương mại – Dịch vụ tăng 15,3 %/năm; Quản lý – Tiêu dùng dân cư tăng 10,4 %/năm; Hoạt động khác tăng 11,4 %/năm. Điện năng thương phẩm bình quân đầu người là 5.460 kWh/người/năm.

- Năm 2025:

Công suất cực đại $P_{\max} = 4.100$ MW, điện thương phẩm 26.786 triệu kWh. Tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm bình quân hàng năm giai đoạn 2021-2025 là 8,9 %/năm, trong đó: Công nghiệp – Xây dựng tăng 8,4 %/năm; Nông – Lâm – Thủy sản tăng 12 %/năm; Thương mại – Dịch vụ tăng 18 %/năm; Quản lý – Tiêu dùng dân cư tăng 9 %/năm; Hoạt động khác tăng 12,4 %/năm. Điện năng thương phẩm bình quân đầu người là 6.619 kWh/người/năm.

- Năm 2030:

Công suất cực đại $P_{\max} = 5.800$ MW, điện thương phẩm 38.501 triệu kWh. Tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm bình quân hàng năm giai đoạn 2026-2030 là 7,5 %/năm, trong đó: Công nghiệp – Xây dựng tăng 7,5 %/năm; Nông – Lâm – Thủy sản tăng 8 %/năm; Thương mại – Dịch vụ tăng 13 %/năm; Quản lý – Tiêu dùng dân cư tăng 6,7 %/năm; Hoạt động khác tăng 8,5 %/năm. Điện năng thương phẩm bình quân đầu người là 8.370 kWh/người/năm.

- Năm 2035:

Công suất cực đại $P_{\max} = 7.900$ MW, điện thương phẩm 52.414 triệu kWh. Tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm bình quân hàng năm giai đoạn 2031-2035 là 7,5 %/năm, trong đó: Công nghiệp – Xây dựng tăng 6,2 %/năm; Nông – Lâm – Thủy sản tăng 6,5 %/năm; Thương mại – Dịch vụ tăng 9,8 %/năm; Quản lý – Tiêu dùng dân cư tăng 6,2 %/năm; Hoạt động khác tăng 7,8 %/năm. Điện năng thương phẩm bình quân đầu người là 10.277 kWh/người/năm.

Tổng hợp nhu cầu điện của các thành phần phụ tải được trình bày chi tiết trong Phụ lục 1 kèm theo.

b) Đảm bảo cung cấp điện an toàn, tin cậy đảm bảo phát triển kinh tế chính trị và an sinh xã hội.

c) Xác định phương án đầu nối của các nhà máy điện trong Tỉnh vào hệ thống điện quốc gia, đảm bảo khai thác hợp lý nguồn điện trong vùng và ổn định hệ thống điện khu vực.

3. Quy hoạch phát triển lưới điện

Quy mô, tiến độ xây dựng các hạng mục công trình đường dây và trạm biến áp theo các giai đoạn quy hoạch như sau:

a) Lưới điện 220 kV:

- Giai đoạn 2016-2020:

+ Trạm biến áp: xây dựng mới 1 trạm biến áp 220/110 kV, công suất 250 MVA; cải tạo, mở rộng nâng quy mô công suất 3 trạm biến áp 220/110 kV với tổng công suất tăng thêm 875 MVA.

+ Đường dây: xây dựng mới 5 đường dây 220 kV mạch kép, chiều dài 56 km.

- Giai đoạn 2021-2025:

+ Trạm biến áp: xây dựng mới 5 trạm biến áp 220/110 kV, công suất 1.750 MVA; cải tạo, mở rộng nâng quy mô công suất 2 trạm biến áp 220/110 kV với tổng công suất tăng thêm 375 MVA.

+ Đường dây: xây dựng mới 6 đường dây 220 kV với tổng chiều dài 162 km.

- Định hướng giai đoạn 2026-2030:

+ Trạm biến áp: xây dựng mới 3 trạm biến áp 220/110 kV, công suất 1.500 MVA; cải tạo, mở rộng nâng quy mô công suất 4 trạm biến áp 220 kV với tổng công suất tăng thêm 1.000 MVA.

+ Đường dây: xây dựng mới 4 đường dây 220 kV với tổng chiều dài 39 km.

- Định hướng giai đoạn 2031-2035:

+ Trạm biến áp: xây dựng mới 3 trạm biến áp 220/110 kV, tổng công suất 1.500 MVA; Cải tạo, mở rộng nâng quy mô công suất 2 trạm biến áp 220 kV với tổng công suất tăng thêm 500 MVA.

+ Đường dây: xây dựng mới 4 đường dây 220 kV với tổng chiều dài 11 km.

b) Lưới điện 110 kV:

- Giai đoạn 2016-2020:

+ Trạm biến áp: xây dựng mới 22 trạm biến áp 110 kV với tổng công suất 1.390 MVA; cải tạo, mở rộng nâng quy mô công suất 15 trạm biến áp 110 kV với tổng công suất 950 MVA.

+ Đường dây: xây dựng mới 30 đường dây 110 kV với tổng chiều dài 255 km; cải tạo, nâng khả năng tải 7 đường dây 110 kV với tổng chiều dài 109,6 km.

- Giai đoạn 2021-2025:

+ Trạm biến áp: xây dựng mới 17 trạm biến áp 110 kV với tổng công suất 887 MVA; cải tạo, mở rộng nâng quy mô công suất 33 trạm biến áp 110 kV với tổng công suất 1.963 MVA.

+ Đường dây: xây dựng mới 17 đường dây 110 kV với tổng chiều dài 58,1 km; cải tạo, nâng khả năng tải 2 đường dây 110 kV với tổng chiều dài 58 km.

- Định hướng giai đoạn 2026-2030:

+ Trạm biến áp: xây dựng mới 11 trạm biến áp 110 kV với tổng công suất 1.386 MVA; cải tạo, mở rộng nâng quy mô công suất 14 trạm biến áp 110 kV với tổng công suất tăng thêm 876 MVA.

+ Đường dây: xây dựng 15 đường dây 110 kV với tổng chiều dài 56 km.

- Định hướng giai đoạn 2031-2035:

+ Trạm biến áp: xây dựng mới 26 trạm biến áp 110 kV với tổng công suất 3.412 MVA;

+ Đường dây: xây dựng 30 đường dây 110 kV với tổng chiều dài 150 km.

Danh mục các công trình đường dây, trạm biến áp 220, 110 kV vào vận hành giai đoạn 2016-2025 chi tiết trong Phụ lục 3; giai đoạn 2026-2035 trong Phụ lục 4; sơ đồ đấu nối tại bản vẽ số D709-ĐN-HPI-01, D709-ĐN-HPI-02 trong Hồ sơ đề án quy hoạch.

c) Lưới điện trung áp giai đoạn 2016-2025:

- Trạm biến áp:

+ Xây dựng mới 2.168 trạm biến áp phân phối 22/0,4 kV với tổng dung lượng 869.050 kVA;

+ Cải tạo điện áp và nâng công suất 2.819 trạm biến áp với tổng dung lượng 1.460.431 kVA.

- Đường dây:

+ Xây dựng mới 1.658 km đường dây 22 kV;

+ Cải tạo 907,3 km đường dây 22 kV;

d) Khối lượng lưới điện hạ áp giai đoạn 2016-2025:

- Xây dựng mới 2.399 km, cải tạo 3.140 km đường dây hạ áp.

- Công tơ: lắp đặt mới và thay thế 227.500 công tơ.

Lưới điện trung và hạ áp sẽ được xác định chi tiết trong Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110 kV (Hợp phần II) của Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2025 có xét đến năm 2035.

e) Năng lượng tái tạo:

- Xem xét đầu tư 3 dự án thủy điện nhỏ (Phú Tân 1, Phú Tân 2, Thanh Sơn) trên cơ sở đánh giá hiệu quả kinh tế và tác động môi trường.

- Xem xét ứng dụng năng lượng sinh khối, năng lượng khí sinh học, năng lượng rác thải để phát điện tại các khu vực có tiềm năng.

f) Vốn đầu tư thực hiện quy hoạch:

Giai đoạn 2016 - 2025 tổng vốn đầu tư xây mới, cải tạo các công trình lưới điện có cấp điện áp từ 220 kV trở xuống đến lưới điện trung áp ước tính là 17.511 tỷ đồng.

Trong đó: + Lưới 220 kV:

4.778 tỷ đồng;

+ Lưới 110 kV:

6.721 tỷ đồng;

+ Lưới trung, hạ áp:

6.012 tỷ đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai tổ chức công bố quy hoạch, chịu trách nhiệm giành quỹ đất cho các công trình trong quy hoạch đã được phê duyệt, chỉ đạo Sở Công Thương Đồng Nai tổ chức triển khai lập quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 Hợp phần II: Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110 kV để chuẩn xác lưới điện phân phối đến từng cấp xã, chuẩn xác quy mô, tiến độ cải tạo lưới trung áp nhằm tiết kiệm vốn đầu tư và giảm tổn thất điện năng.

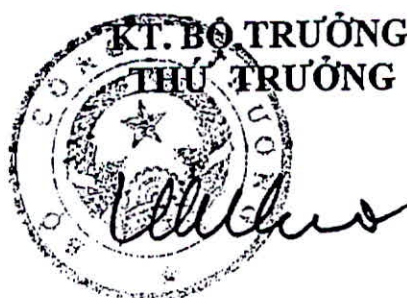
2. Giao Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia, Tổng công ty Điện lực miền Nam và các nhà đầu tư phối hợp với các cơ quan chức năng tỉnh Đồng Nai để tổ chức thực hiện quy hoạch. Trong quá trình đầu tư xây dựng các công trình lưới điện truyền tải và phân phối, các đơn vị điện lực phải tuân thủ đúng cấu trúc lưới điện, quy mô và cấp điện áp được phê duyệt; tuân thủ Quy định hệ thống điện truyền tải và Quy định hệ thống điện phân phối đã được ban hành.

3. Sở Công Thương Đồng Nai chỉ đạo đơn vị tư vấn lập đề án, hoàn thiện Đề án quy hoạch theo đúng các nội dung được phê duyệt trong Quyết định này và gửi Hồ sơ Đề án đã hoàn thiện về Tổng cục Năng lượng – Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Sở Công Thương Đồng Nai, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia, Tổng công ty Điện lực miền Nam, Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai để quản lý và thực hiện. Sở Công Thương Đồng Nai có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, quản lý thực hiện Quy hoạch đã được duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Năng lượng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng giám đốc Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia, Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực miền Nam, Giám đốc Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai và các cơ quan liên quan có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ KHĐT;
- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Công Thương Đồng Nai;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia;
- Tổng công ty Điện lực miền Nam;
- Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai;
- Viện Năng lượng;
- Lưu: VT, TCNL (KH&QH-thg).



Hoàng Quốc Vượng

